



## HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

### BẢN TIN SỐ 1543

(Lưu hành nội bộ)

## *BẢN TIN TRONG TUẦN*

(TỪ NGÀY 03/02/2026 ĐẾN NGÀY 09/02/2026)

### A/ THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

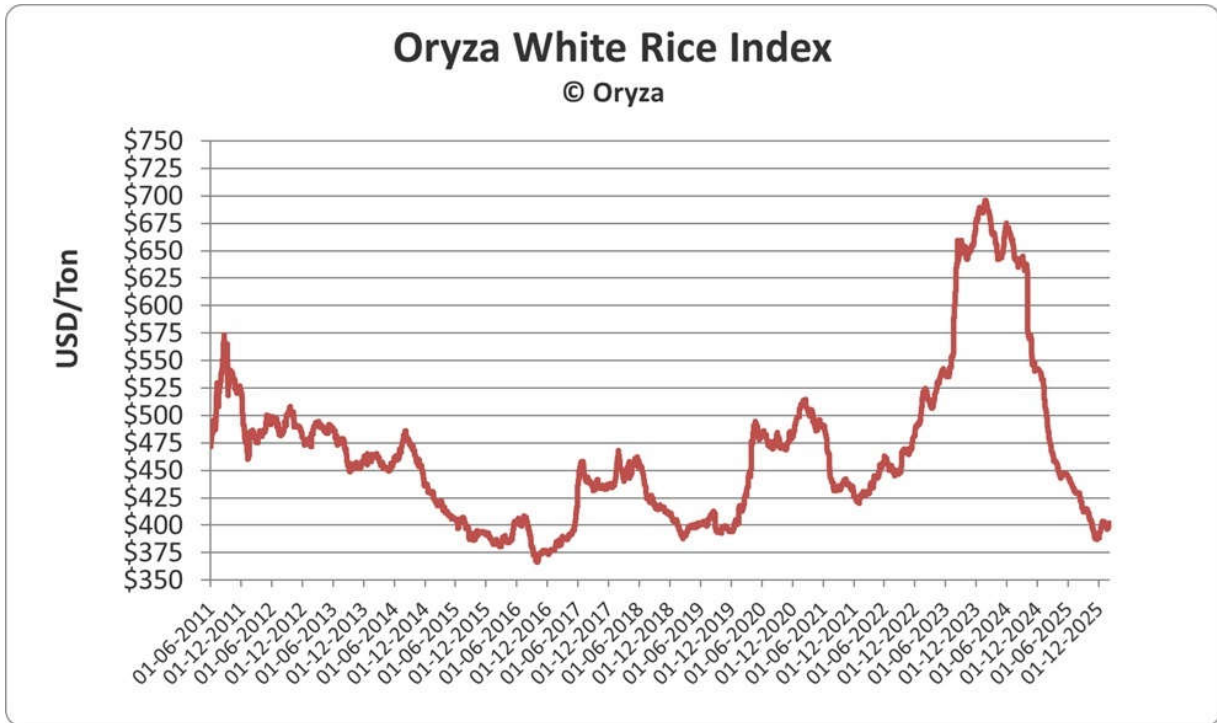
#### I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

*Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)*

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	03 – 02		04 – 02		05 – 02		06 – 02	
		min	max	Min	max	min	max	Min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	398	402	398	402	402	406	401	405
	5% tấm	388	392	388	392	392	396	391	395
	25% tấm	373	377	373	377	375	379	375	379
	Hom Mali 92%	1109	1113	1109	1113	1109	1113	1103	1107
	Gạo đỏ 100% Stxd	405	409	405	409	413	417	412	416
	A1 Super	353	357	353	357	358	362	358	362
VIỆT NAM	5% tấm	362	366	362	366	360	364	360	364
	25% tấm	340	344	340	344	337	341	337	341
	Gạo thơm 5% tấm	440	444	440	444	425	429	425	429
	Jasmine	318	322	318	322	315	319	315	319
	100% tấm	352	356	352	356	348	352	348	352
ẤN ĐỘ	5% tấm	341	345	341	345	337	341	337	341
	25% tấm	354	358	304	308	354	358	354	358
	Gạo đỏ 5% Stxd	304	308	304	308	304	308	304	308
	100% tấm Stxd	368	372	368	372	367	371	367	371
PAKISTAN	5% tấm	347	351	347	351	347	351	347	351
	25% tấm	325	329	325	329	325	329	325	329
	100% tấm Stxd	347	351	347	351	347	351	349	353
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	561	565	561	565	562	566	562	566
MỸ	4% tấm	563	567	563	567	568	572	568	572
	15% tấm (Sacked)	670	674	670	674	670	674	670	674
	Gạo đỏ 4% tấm	888	892	888	892	888	892	888	892
	Calrose 4%	398	402	398	402	402	406	401	405

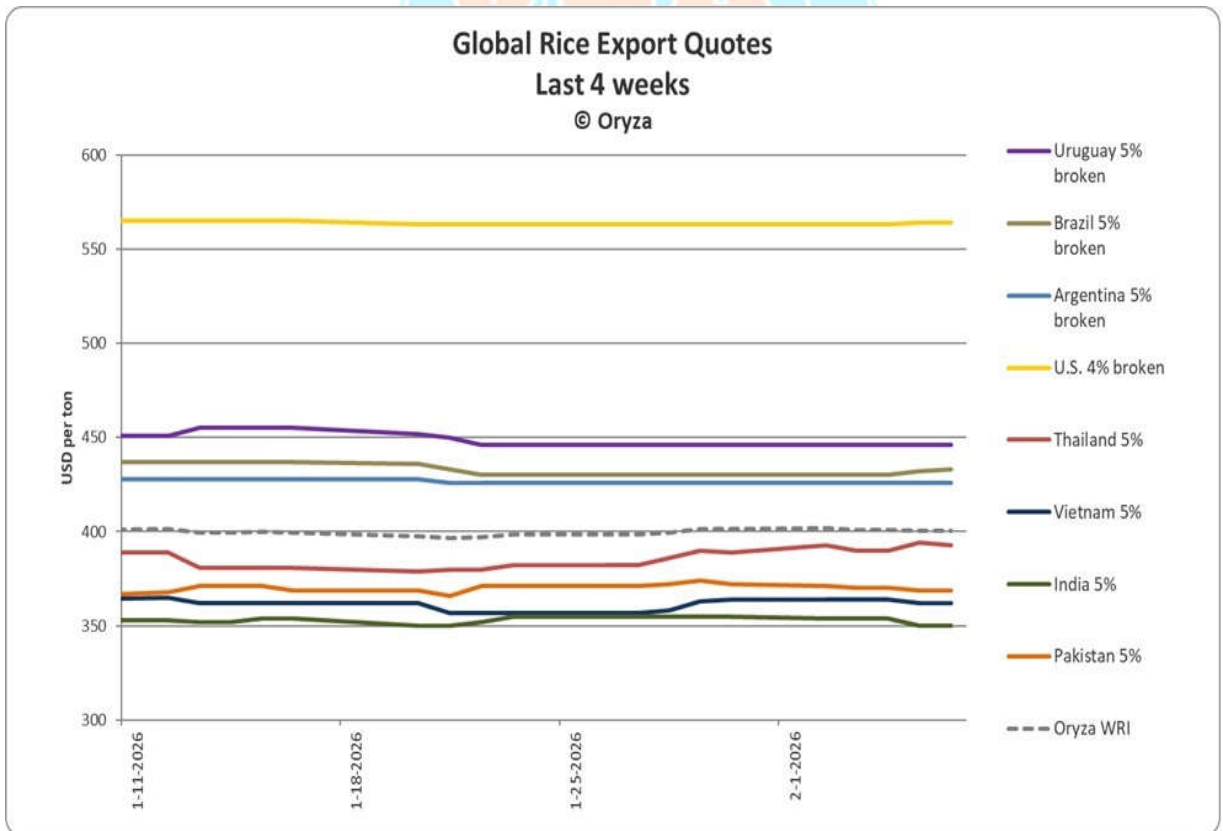
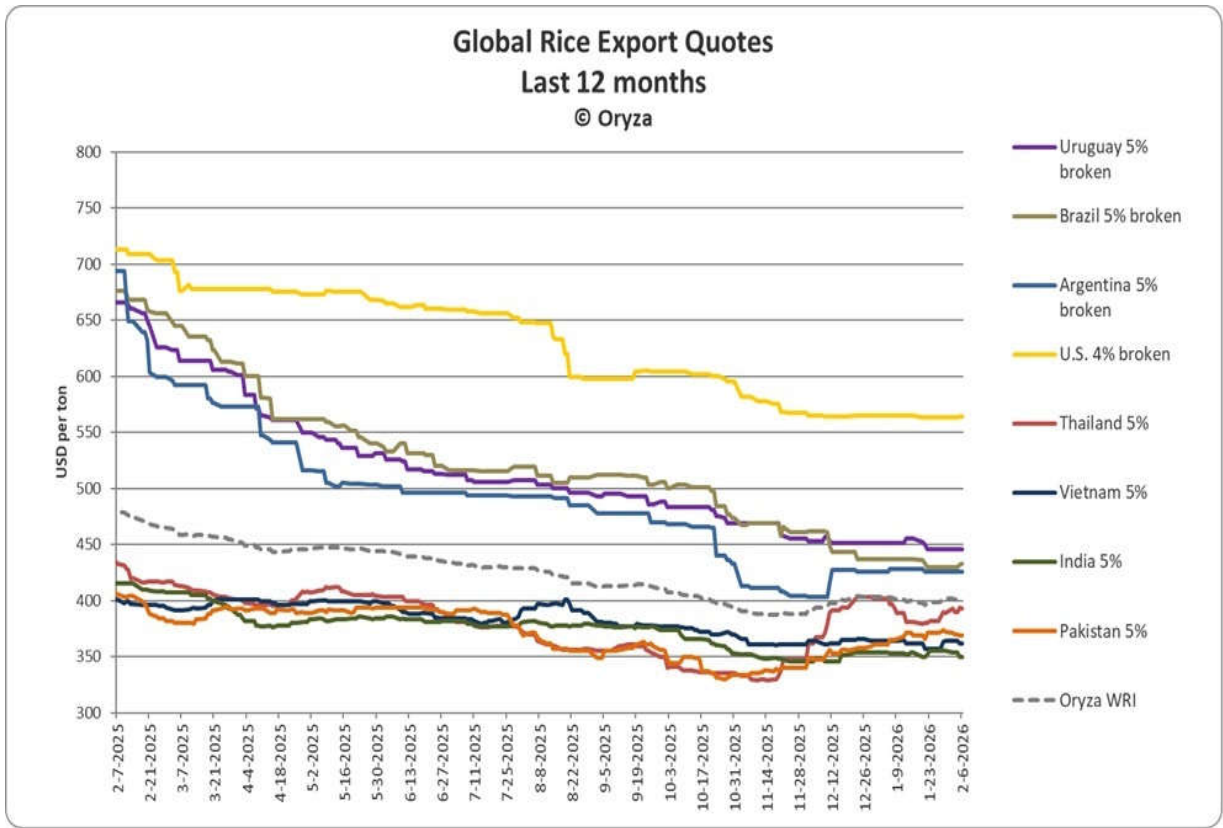
## II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

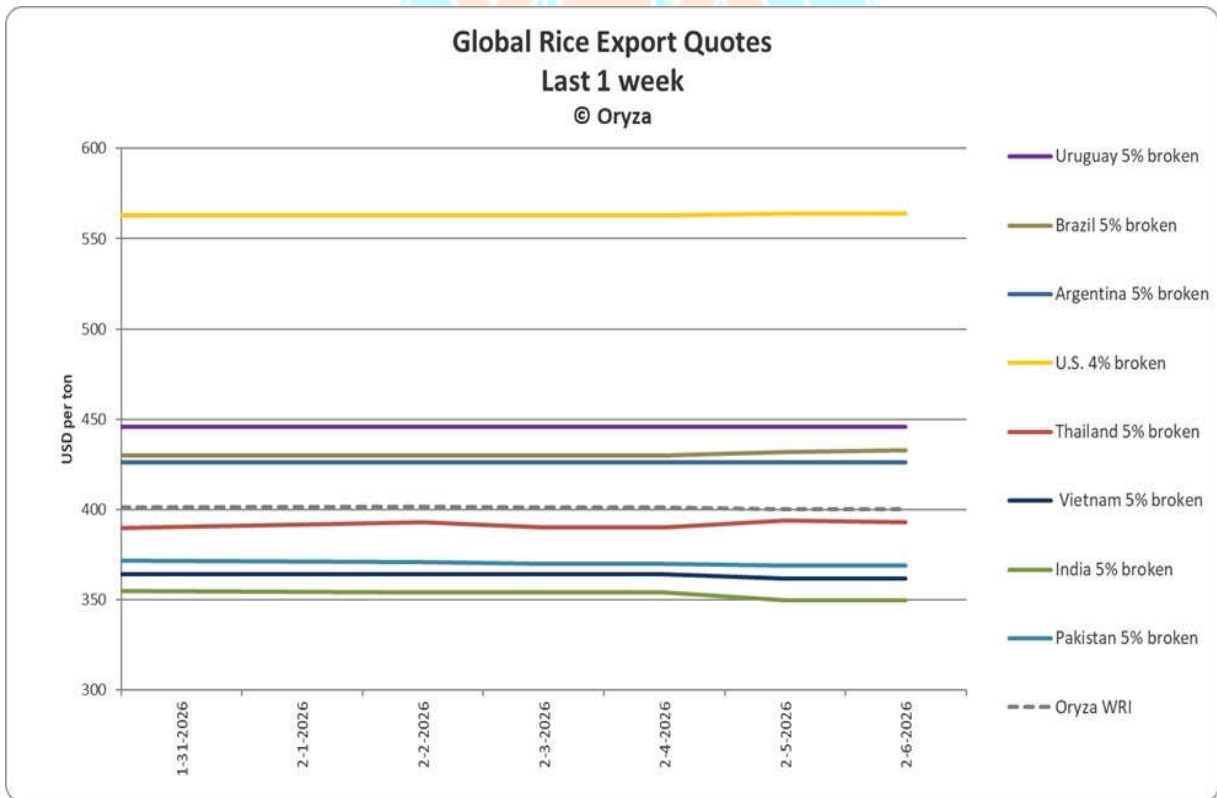
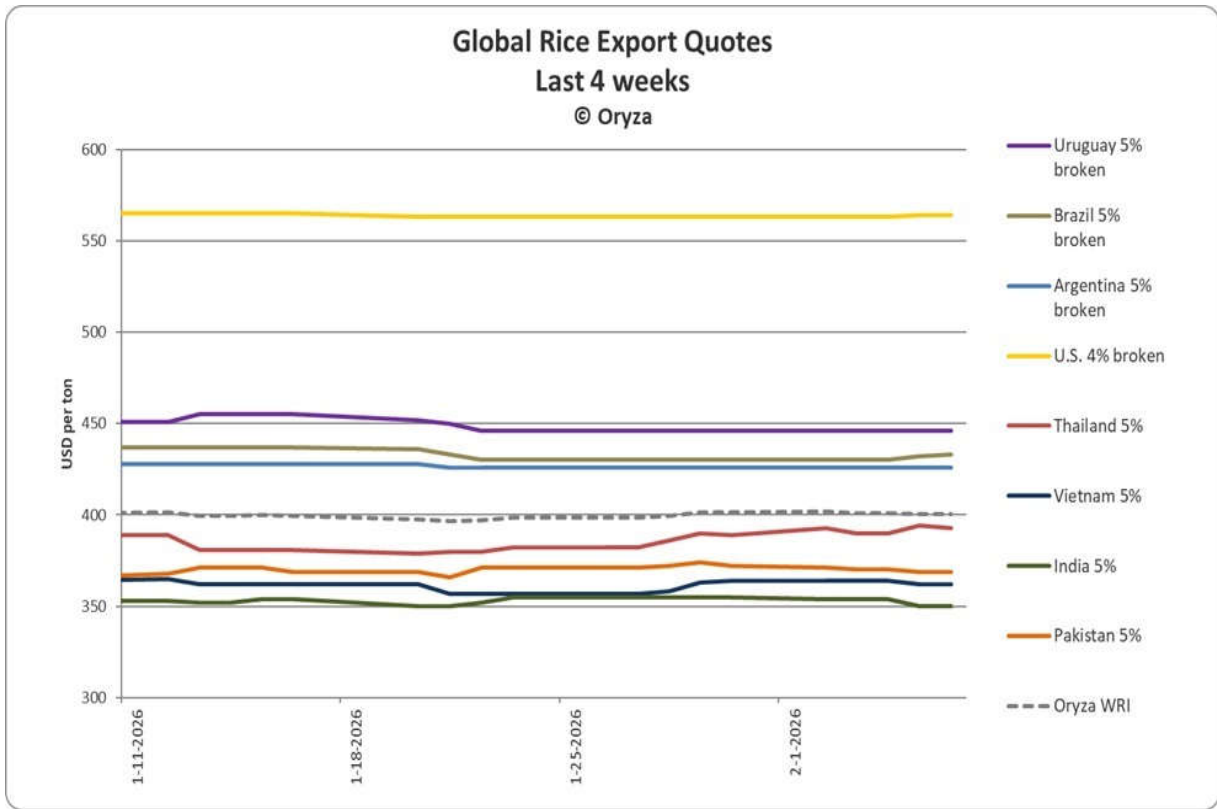
### \*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 401 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với tuần trước và giảm 2 USD/tấn so với tháng trước, giảm 85 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO) đã công bố bản tin tóm lược Cung – Cầu Ngũ cốc mới nhất (tháng 2 năm 2026), cung cấp phân tích cập nhật về thị trường ngũ cốc thế giới (bao gồm cả gạo).

Sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2025/26 được dự báo đạt 561,6 triệu tấn (quy gạo xay xát), điều chỉnh tăng so với ước tính tháng 12 là 558,8 triệu tấn. Mức tiêu thụ gạo thế giới trong niên vụ 2025/26 được dự báo đạt 554,9 triệu tấn, tăng so với 552,7 triệu tấn trong dự báo trước đó. Thương mại gạo quốc tế năm 2026 hiện được dự báo đạt 60,6 triệu tấn, thấp hơn nhẹ so với dự báo tháng 12 là 61,2 triệu tấn. Tồn kho gạo cuối kỳ toàn cầu niên vụ 2025/26 được dự báo đạt 217,7 triệu tấn, điều chỉnh tăng so với mức 216,8 triệu tấn trước đó.

FAO đã công bố Chỉ số Giá Gạo Toàn cầu (FARPI) tháng 2 năm 2026. Theo báo cáo, giá gạo toàn cầu tăng nhẹ vào đầu năm 2026, chủ yếu do nhu cầu mạnh đối với các loại gạo thơm, nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung dồi dào và nhu cầu nhìn chung trầm lắng tại một số nước xuất khẩu lớn. Chỉ số Giá Gạo Toàn cầu của FAO đạt trung bình 102,8 điểm trong tháng 1 năm 2026, tăng 1,8% so với tháng 12, nhưng vẫn thấp hơn 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng giá hàng tháng chủ yếu do gạo thơm/gạo có mùi thơm, tăng mạnh 7,1% lên mức cao nhất trong 15 tháng, do nhu cầu trước mùa Ramadan và Tết Nguyên đán. Giá gạo Japonica và Indica tăng nhẹ, trong khi giá gạo nếp giảm do nhu cầu yếu. Giá xuất khẩu gạo Indica cho thấy diễn biến trái chiều giữa các nước châu Á.

### **Philippines**

Lạm phát của Philippines tăng nhẹ lên 2,0% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 1/2026, cao hơn một chút so với dự báo và mức 1,8% của tháng 12, trong khi giá theo tháng tăng 0,8%, cũng cao hơn dự báo. Lạm phát cơ bản đạt 2,8%, trong khi giá tiêu dùng tại vùng thủ đô tăng 1,9%. Mặc dù có sự gia tăng, lạm phát tổng thể vẫn được kiểm soát, nhờ giá gạo giảm 8,5% so với cùng kỳ năm trước, giúp giảm áp lực giá cả chung.

Philippines đã ban hành hệ thống thuế nhập khẩu gạo mới theo quý, được điều chỉnh theo chỉ số giá thế giới từ ngày 1/1/2026 theo Sắc lệnh Hành pháp 105, trong đó mức thuế biến động từ 15% đến 35% dựa trên giá gạo 5% tấm của Việt Nam nhằm ổn định giá bán lẻ và bảo vệ nông dân. Sau lệnh cấm nhập khẩu kéo dài bốn tháng cuối năm 2025, hoạt động nhập khẩu đã được nối lại với thuế suất duy trì ở 15% đến hết tháng 3/2026 do giá quốc tế ổn định. Chính phủ sẽ rà soát giá toàn cầu mỗi quý và điều chỉnh thuế quan khi đạt các ngưỡng kích hoạt, vì nước này dự kiến nhập 3,6–3,8 triệu tấn gạo trong năm nay để bù đắp chênh lệch cung – cầu nội địa.

Do sản lượng trong nước chỉ tăng dưới 1% mỗi năm, dù có hỗ trợ từ Quỹ Nâng cao Năng lực Cạnh tranh Gạo, Philippines vẫn sẽ tiếp tục phụ thuộc vào nhập khẩu. Giá thế giới thấp có thể gây áp lực lên nông dân, trong khi đồng peso yếu có thể làm tăng chi phí nhập khẩu và bán lẻ. Nhìn chung, cơ chế mới nhằm cân bằng khả năng chi trả của người tiêu dùng, bảo vệ nông dân và ổn định thị trường trong suốt năm 2026.

### Indonesia

Cơ quan thống kê Indonesia dự báo sản lượng gạo sẽ tăng mạnh trong quý I/2026, chủ yếu nhờ mở rộng đáng kể diện tích thu hoạch. Sản lượng lúa giai đoạn tháng 1–3/2026 được ước đạt 17,65 triệu tấn (tăng 15,8% so với cùng kỳ), tương đương 10,16 triệu tấn gạo xay xát. Diện tích thu hoạch dự kiến tăng khoảng 15,32% so với cùng kỳ, lên 3,28 triệu ha, cho thấy việc mở rộng gieo trồng là động lực chính của tăng trưởng sản lượng. Điều này nối tiếp sự phục hồi mạnh trong năm 2025, khi thời tiết thuận lợi giúp sản lượng lúa đạt 60,21 triệu tấn (tăng 13,29% so với cùng kỳ năm trước) và gạo xay xát đạt 34,69 triệu tấn.

Các liên đoàn nông dân Indonesia đang kêu gọi chính phủ tăng cường dự trữ gạo quốc gia để bảo vệ nông dân và người tiêu dùng trước rủi ro mất mùa do thời tiết và yếu tố mùa vụ. Họ cho rằng dự trữ mạnh hơn sẽ giúp chính phủ phản ứng nhanh với những biến động về nguồn cung, ngăn chặn sự tăng giá đột biến và giảm bớt sự bất ổn thị trường. Trước những thách thức liên quan đến khí hậu tiếp tục đe dọa việc trồng trọt và sản lượng, các liên đoàn nhấn mạnh rằng việc quản lý dự trữ tốt hơn là một trong những cách thiết thực nhất để ổn định nguồn cung gạo trên khắp các vùng và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Indonesia đã ban hành lệnh cấm nhập khẩu đối với 12 nhóm hàng theo Quy định Bộ trưởng số 47/2025, có hiệu lực từ 1/1/2026, nhằm bảo vệ nông dân và ngành sản xuất trong nước. Động thái này gây lo ngại trong khu vực, đặc biệt tại Thái Lan, nơi các quan chức cảnh báo các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như đường, gạo và một số sản phẩm điện lạnh có thể bị gián đoạn. Tuy nhiên, việc nhập khẩu hạn chế vẫn có thể tiếp tục do Nghị định số 31/2025 vẫn cho phép các nhà nhập khẩu với đường cho chế biến, và quy định mới không hủy bỏ điều khoản này.

Indonesia cũng đang mở rộng chương trình bảo hiểm canh tác lúa (AOTP) nhằm bảo vệ nông dân trước rủi ro lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh và dịch bệnh. Mục tiêu là ổn định sản xuất, bảo vệ thu nhập nông dân và củng cố an ninh lương thực trong bối cảnh thách thức khí hậu gia tăng.

## **Bangladesh**

Theo báo Daily Star, nhập khẩu gạo của Bangladesh đã tăng mạnh trong nửa đầu năm tài chính 2025–26 khi chính phủ và khu vực tư nhân triển khai các biện pháp nhằm ổn định nguồn cung và giá trong nước. Trong giai đoạn tháng 7–12/2025, nước này nhập khoảng 665.000 tấn gạo, tăng mạnh so với khoảng 175.000 tấn cùng kỳ năm trước.

Mức tăng này diễn ra sau các chính sách như giảm thuế nhập khẩu và nới lỏng quy định cho thương nhân tư nhân, nhằm giảm căng thẳng nguồn cung nội địa và kiềm chế áp lực giá. Chính quyền cũng đang nỗ lực tái lập dự trữ lương thực quốc gia và hỗ trợ ổn định thị trường.

Trong khuôn khổ kế hoạch thu mua lương thực quy mô lớn, chính phủ dự kiến nhập khoảng 700.000 tấn gạo cho kho dự trữ đệm. Đối với cả năm tài chính 2025–26, tổng lượng nhập khẩu gạo của Bangladesh được dự báo vượt 1,4 triệu tấn, nhìn chung tương đương năm trước, phản ánh việc tiếp tục phụ thuộc vào nhập khẩu để đảm bảo an ninh lương thực và kiểm soát biến động giá cả.

## **Trung Quốc**

Theo báo cáo của S&P Global, Trung Quốc đã nổi lên như một động lực then chốt của thị trường gạo châu Á nhờ nhu cầu nhập khẩu mạnh mẽ và rất nhạy cảm về giá, điều này đang định hình các dòng chảy thương mại trong khu vực. Cạnh tranh giá giữa các nước xuất khẩu, đặc biệt là Miến Điện, Pakistan, Thái Lan và Việt Nam – đang ngày càng gay gắt khi các nhà cung cấp cạnh tranh để giành thị phần của Trung Quốc. Các thương nhân cho biết mô hình mua hàng của Trung Quốc ngày càng mang tính cơ hội, với việc nhập khẩu từ bất kỳ nguồn nào có mức giá hấp dẫn nhất, khiến nhu cầu Trung Quốc trở thành yếu tố chi phối hướng giá cả khu vực. Miến Điện là một trong những nước hưởng lợi lớn nhất từ xu hướng này. Trung Quốc đã nhập khoảng 1,04 triệu tấn gạo từ Miến Điện trong năm 2025, tăng khoảng 85% so với cùng kỳ năm trước, và dự kiến vẫn sẽ là khách hàng lớn nhất của Miến Điện trong năm 2026. Người mua Trung Quốc ưa chuộng gạo hạt trung bình và gạo tám. Các nhà xuất khẩu tin rằng Miến Điện có thể giữ thị phần trừ khi khoảng cách giá với các đối thủ mở rộng đáng kể. Nhu cầu mạnh mẽ từ Trung Quốc đang giúp ổn định thương mại khu vực, ngay cả khi giá gạo toàn cầu vẫn cạnh tranh và người mua tìm kiếm nguồn cung rẻ hơn.

Nhìn chung, vai trò của Trung Quốc như một người mua lớn và linh hoạt đang củng cố vị thế trung tâm trong thị trường gạo châu Á. Sự sẵn sàng chuyển đổi nhà cung cấp dựa trên khả năng cạnh tranh về giá đang giữ cho

thị trường xuất khẩu năng động và có khả năng tiếp tục ảnh hưởng đến biến động giá cả và dòng chảy thương mại trên khắp châu Á trong năm 2026.

### **Nhật Bản**

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đã công bố kết quả phiên đấu thầu mua – bán đồng thời (SBS) lần thứ năm theo Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương toàn cầu (CPTPP) cho năm tài chính 2025/26, tổ chức ngày 27/1/2026. MAFF đặt mục tiêu nhập khoảng 1.200 tấn gạo và đã mua – bán thành công toàn bộ 1.200 tấn gạo lứt sau khi nhận đủ hồ sơ đối ứng. Các phiên này là một phần trong cam kết của Nhật Bản theo hiệp định CPTPP.

Xuất khẩu nông – lâm – thủy sản của Nhật Bản đạt kỷ lục 1,7 nghìn tỷ yên năm 2025, tăng 12,8% so với cùng kỳ và là năm tăng trưởng thứ 13 liên tiếp, nhờ nhu cầu mạnh từ Mỹ và sự phục hồi xuất khẩu sang Trung Quốc. Nhiều mặt hàng đạt mức cao nhất lịch sử, bao gồm trà xanh, gạo, thịt bò và cá cam. Xuất khẩu trà xanh tăng vọt lên 72,1 tỷ yên nhờ cơn sốt matcha toàn cầu. Nhật Bản hiện đặt mục tiêu nâng xuất khẩu thực phẩm lên 5 nghìn tỷ yên vào năm 2030 bằng cách tập trung vào các sản phẩm cao cấp và mở rộng phạm vi thị trường.

Theo thông báo trên trang web của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF), Nhật Bản đang tìm cách mua khoảng 53.000 tấn gạo trong một cuộc đấu thầu quốc tế. Phiên đấu thầu dự kiến diễn ra vào ngày 13 tháng 2 năm 2026, từ 13:15 đến 14:00 giờ Nhật Bản. Gạo được yêu cầu giao hàng trong khoảng thời gian từ ngày 10 tháng 5 năm 2026 đến ngày 15 tháng 7 năm 2026.

### **Hàn Quốc**

Bảng cân đối cung – cầu gạo mới nhất của USDA cho thấy triển vọng niên vụ 2025/26 của Hàn Quốc nhìn chung ổn định.

Sản lượng gạo xay xát dự kiến đạt 3,54 triệu tấn dù diện tích giảm, do các chương trình chuyển đổi cây trồng của chính phủ nhằm ngăn ngừa tình trạng dư cung.

Lượng Tiêu thụ dự báo đạt 3,86 triệu tấn, nhờ nhu cầu tăng trưởng mạnh mẽ từ ngành thực phẩm chế biến, dù tiêu dùng gạo ăn trực tiếp tiếp tục giảm.

Nhập khẩu gạo dự kiến đạt 430.000 tấn theo hệ thống hạn ngạch thuế quan WTO hiện hành, mặc dù thuế suất cao đối với hàng vượt hạn ngạch vẫn không thay đổi, trong khi thuế ngoài hạn ngạch vẫn rất cao. Việc phân phối gạo nhập khẩu tiếp tục được thực hiện thông qua các phiên đấu giá cơ chế bán buôn qua đấu giá công khai (aT), nhưng các phiên đấu giá gạo ăn của

Mỹ đã bị đình chỉ từ năm 2023, khiến một lượng lớn gạo dự trữ của Mỹ bị tồn đọng và làm dấy lên lo ngại khi các lô hàng bổ sung đến vào năm 2026.

Tồn kho đầu kỳ ở mức 971.000 tấn và tồn kho cuối kỳ 881.000 tấn, cho thấy quản lý tồn kho tiếp tục là trọng tâm chính sách gạo của Hàn Quốc.

### **Liên minh châu Âu (EU)**

Trong 5 tháng đầu năm tài chính 2025/26 (1/9/2025 – 2/2/2026), EU chứng kiến sự đảo chiều rõ rệt trong thương mại gạo so với năm trước.

Tổng nhập khẩu giảm khoảng 15% xuống 471.095 tấn, chủ yếu do giảm gạo xay xát và bán xay xát, với gạo Indica chiếm ưu thế.

Các nhà cung cấp chính vẫn là Campuchia, Miến Điện, Ấn Độ, Thái Lan và Pakistan.

Ngược lại, xuất khẩu gạo EU tăng khoảng 15% lên 120.265 tấn, dẫn dắt bởi gạo Japonica.

Các thị trường mua lớn gồm Anh, Thụy Sĩ, Belarus, Na Uy và Serbia.

### **Châu Mỹ La tinh**

**Uruguay**, gạo 5% tẩm hiện được chào giá khoảng 446 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, giảm 5 USD/tấn so với tháng trước, và giảm 220 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

**Argentina**, gạo 5% tẩm khoảng 426 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, giảm 2 USD/tấn so với tháng trước, và giảm 268 USD/tấn so với năm trước.

**Brazil**, gạo 5% tẩm khoảng 433 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với tuần trước, giảm 4 USD/tấn so với tháng trước và giảm 243 USD/tấn so với năm trước.

**Mỹ**, gạo 4% tẩm hiện được chào giá khoảng 564 USD/tấn, tăng 1 USD/tấn so với tuần trước, giảm 1 USD/tấn so với tháng trước và giảm 149 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu tuần kết thúc 29/01 đạt 21.600 tấn, chủ yếu sang Iraq, Haiti, Guam, Israel, Mexico và Albania.

## **III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:**

### **Ấn Độ**

Giá gạo 5% tẩm kết thúc tuần ở mức khoảng 350 USD/tấn, giảm khoảng 5 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 3 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 65 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường gạo trắng phi basmati giảm trong tuần qua, trong khi phân khúc basmati diễn biến tích cực hơn nhờ nhu cầu tăng từ Iran và Afghanistan. Về thị trường nội địa, nhu cầu đối với gạo trắng 5% tẩm và gạo đồ vẫn yếu,

kéo giá nội địa giảm theo tuần. Chính phủ hiện đang thu mua gạo xay xát theo đơn đặt hàng tại bang Andhra Pradesh, dẫn đến nguồn cung gạo tấm 100% tấm trở nên khan hiếm.

Thỏa thuận thương mại Mỹ–Ấn được hoàn tất khi Tổng thống Mỹ Donald Trump ngày 2/2 tuyên bố thuế nhập khẩu đối với hàng hóa từ Ấn Độ đã được cắt giảm xuống 18%.

Dự báo thời tiết sẽ nóng và khô hơn bình thường trong tháng 2/2026, với lượng mưa tại vành đai trồng lúa mì Tây Bắc thấp hơn nhiều so với mức trung bình các năm và nhiệt độ cao hơn trung bình tại phần lớn các vùng sản xuất chính, làm gia tăng rủi ro đối với các cây trồng vụ chủ chốt.

### **Thái Lan**

Giá gạo 5% tấm kết thúc tuần ở mức khoảng 393 USD/tấn, tăng khoảng 4 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 4 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 42 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động giao dịch xuất khẩu tuần qua trầm lắng do nhu cầu yếu, mặc dù tỷ giá đồng bath Thái mạnh hơn so với đồng USD. Thương nhân cho biết dự kiến giá chào có khả năng sẽ được điều chỉnh giảm trong những ngày tới, khi các nhà xay xát tìm cách giải phóng lượng tồn kho cũ trước thời điểm vụ thu hoạch mới bắt đầu vào tháng 03/2026. Thị trường cho biết các nhà xuất khẩu tạm ngưng chào bán do hạn chế nguồn cung cho đợt giao hàng tháng 02/2026.

Theo dự báo của USDA, sản lượng niên vụ MY 2025/26 của nước này giảm nhẹ, với sản lượng gạo xay xát dự báo giảm xuống mức 20,48 triệu tấn do diện tích gieo trồng trái vụ giảm và nỗ lực đa dạng hóa cây trồng của chính phủ.

### **Pakistan**

Giá gạo 5% tấm kết thúc tuần ở mức khoảng 369 USD/tấn, giảm khoảng 3 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 4 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 37 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường tuần qua ít biến động, nhu cầu mới vẫn còn hạn chế, tỷ giá đồng nội tệ tăng nhẹ so với đồng USD. Theo các nguồn tin, hoạt động giao dịch gạo hạt dài tại Gulfood khá hạn chế, trong khi các giao dịch thành công chủ yếu tập trung vào gạo basmati, khách hàng châu Âu tiếp tục tìm kiếm nguồn thay thế do giá gạo nước này dao động ở mức cao. Việc thay đổi chính

sách về hoàn thuế gần đây đã cải thiện mức độ cạnh tranh của gạo xay xát so với gạo lứt, do mức thuế áp dụng đối với gạo xay xát cao hơn so với gạo lứt.

Sản lượng lúa của Pakistan năm 2025 ước đạt khoảng 14 triệu tấn, cao hơn mức trung bình 5 năm, nhưng giảm khoảng 4% so với cùng kỳ năm trước do lũ lụt nghiêm trọng tại các vùng sản xuất trọng điểm. Gạo tiếp tục là mặt hàng ngũ cốc xuất khẩu chủ lực.

### **Miền Điện**

Thị trường gạo tuần có xu hướng tăng nhẹ do nguồn cung trong nước hạn chế, đặc biệt gạo trắng hạt dài. Tuy nhiên, nhu cầu xuất khẩu nhìn chung vẫn yếu dẫn đến hoạt động giao dịch trầm lắng. Các thương nhân nhập khẩu như châu Phi và Trung Quốc cân nhắc khi giao dịch do giá chào xuất khẩu đang ở mức cao. Nhu cầu từ Trung Quốc chậm lại do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

Thị trường gạo tấm trong nước có xu hướng tăng nhẹ do nhu cầu từ các ngành thức ăn chăn nuôi và sản xuất bia, hỗ trợ xu hướng giá gạo tấm tăng trong tuần. Một số giao dịch nhỏ với Trung Quốc và Philippines được ghi nhận, chủ yếu cho B1 & B2 STX và gạo trắng 5% tấm.

Nhìn chung, thị trường tuần qua cho thấy xu hướng vững về giá, nhưng giao dịch còn hạn chế do nhu cầu quốc tế chưa phục hồi rõ rệt.

### **IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:**

<b>Ngoại tệ</b>	<b>03 - 02</b>	<b>04 - 02</b>	<b>05 - 02</b>	<b>06 - 02</b>	<b>09 - 02</b>
Trung Quốc (CNY/USD)	6,95	6,94	6,94	6,94	6,94
Châu Âu (EUR/USD)	0,85	0,85	0,85	0,85	0,85
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16.784,82	16.757,58	16.798,43	16.866,46	16.847,76
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	3,94	3,93	3,93	3,95	3,95
Philippines Peso (PHP/USD)	58,90	59,06	58,96	58,75	58,50
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.452,29	1.447,80	1.459,30	1.463,40	1.464,98
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	155,52	155,71	156,62	156,90	157,59
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	91,17	90,33	90,39	90,24	90,56
Miền Điện (MMK/USD)	2.100,12	2.099,94	2.099,78	2.100,01	2.099,67
Pakistan Rupees (PKR/USD)	280,10	279,64	279,56	280,05	279,51
Thái Lan Baht (THB/USD)	31,55	31,63	31,74	31,73	31,55
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.039,65	25.962,10	26.055,91	25.967,43	25.902,93

**B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:****I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:****\* Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 09/02/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

+ Vụ Mùa 2025-2026: xuống giống được 192 ngàn ha, thu hoạch xong với năng suất khoảng 53,03 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1,02 triệu tấn lúa.

+ Vụ Đông Xuân 2025-2026 đã xuống giống được 1,228 ngàn ha/1,266 triệu ha đã đạt 97% diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được khoảng 135 ngàn tấn với năng suất khoảng 66,16 tạ/ha, sản lượng ước đạt 893 ngàn tấn lúa.

**II. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:**

Từ ngày 01/02 – 09/02/2026 có 19 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 148.880 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	MD Sky	HCM	21/01/2026	12.500	Philippines
2	Tân An 01	HCM	21/01/2026	5.100	Philippines
3	Vinh Quang Green	HCM	21/01/2026	4.600	Philippines
4	Vinacomin Hà Nội	HCM	24/01/2026	7.300	Philippines
5	Sunrise 69	HCM	25/01/2026	6.800	Philippines
6	Hòa Bình 79	HCM	26/01/2026	7.200	Philippines
7	Mekong	HCM	26/01/2026	4.100	Philippines
8	Pepper	HCM	26/01/2026	6.700	Philippines
9	Quang Minh 29	HCM	26/01/2026	6.700	Philippines
10	New Sun Blue	HCM	28/01/2026	8.250	Philippines
11	Vinh Quang Star	HCM	28/01/2026	6.850	Philippines
12	Hòa Bình 09	HCM	29/01/2026	6.450	Philippines
13	Vinh Quang Ocean	HCM	29/01/2026	4.000	Philippines
14	Hoàng Triều 68	HCM	31/01/2026	6.500	Philippines
15	Oriental Bay	HCM	31/01/2026	4.900	Philippines
16	Sea Dragon 9999	HCM	31/01/2026	4.500	Malaysia
17	Thái Bình 39	HCM	31/01/2026	4.760	Philippines
18	Trường An 05	HCM	31/01/2026	6.600	Philippines
19	VTV Dragon	HCM	31/01/2026	4.800	Philippines

**Bản tin 1543 (Từ Ngày 03/02/2026 Đến Ngày 09/02/2026)**

20	MD Sea	HCM	01/02/2026	12.500	Philippines
21	Philippaks	HCM	01/02/2026	45.000	Châu Phi
22	Vinh Quang Sun	HCM	01/02/2026	2.800	Philippines
23	Blue Star	HCM	02/02/2026	15.000	Hàn Quốc
24	Hòa Bình 54	HCM	02/02/2026	4.850	Philippines
25	Sunshine Star	HCM	02/02/2026	4.750	Philippines
26	Vinh 02	HCM	02/02/2026	4.900	Malaysia
27	Green Sky	HCM	03/02/2026	2.150	Philippines
28	Hoàng Phương Star	HCM	03/02/2026	4.750	Philippines
29	Hòa Bình 45	HCM	05/02/2026	4.000	Philippines
30	Long Tân 99	HCM	05/02/2026	4.850	Philippines
31	Tân An Confidence	HCM	06/02/2026	5.880	Philippines
32	Tân An Endeavor	HCM	06/02/2026	4.800	Philippines
33	Phúc Thuận 189	HCM	07/02/2026	4.750	Philippines
34	Sunshine 01	HCM	07/02/2026	4.850	Philippines
35	Viễn Đông 09	HCM	07/02/2026	6.000	Philippines
36	Vinacomin Hạ Long	HCM	07/02/2026	6.800	Philippines
37	Luck Star 6	HCM	08/02/2026	7.300	Philippines
38	Mekong Star	Mỹ Thới	09/02/2026	2.950	Philippines
<b>Tổng</b>				<b>267.490</b>	



### III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	05/02	+/-	05/02	+/-	05/02	+/-	05/02	+/-	05/02	+/-	05/02	+/-	05/02	+/-		
<b>Lúa Tươi Tại Ruộng+</b>																
Hạt dài	5.750	-	5.650	+100	5.850	-	5.550	50	5.550	-	6.250	+100	6.250	+100	6.250	5.836
Lúa thường	5.350	-	5.450	+50	5.650	-	5.425	+75	5.425	-	5.650	-	5.350	-	5.650	5.471
<b>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</b>																
Hạt dài	7.150	-	6.900	+150	7.200	-	7.150	+150	6.850	-			7.550	+100	7.550	7.133
Lúa thường	6.950	-	6.700	+100	6.750	-	6.800	+100	6.625	-			6.550	-	6.950	6.729
<b>Gạo Nguyên Liệu</b>																
Lứt loại 1	7.950	-	8.650	+100	8.850	+200	8.800	-50	8.750	+100			9.250	+200	9.250	8.708
Lứt loại 2	7.850	-	8.050	+200	8.150	-	8.050	-	8.150	+100	9.150	-500	8.650	-1000	9.150	8.293
Xát trắng loại 1			9.350	+150			9.350	-	9.350	+100	9.750	-	9.750	-	9.750	9.510
Xát trắng loại 2			8.950	-			8.950	-	8.975	25	8.975	+25	8.750	-	8.975	8.920
<b>Phu Phẩm</b>																
Tấm 1/2	7.550	-	7.800	+50	7.525	-25	7.450	-	7.650	+125	7.800	+50	7.650	-	7.800	7.632
Tấm 2/3			7.700	-	7.525	-25			7.425	-25			7.450	-	7.700	7.525
Tấm 3/4	7.450	-	7.600	-	7.425	-									7.600	7.492
Cám xát	7.950	+500	7.950	+400	7.650	+100	7.650	-	8.175	+125	8.175	+125	7.950	-	8.175	7.929
Cám lau	7.950	+500	7.850	+400	7.650	+100	7.650	-	8.175	+125	8.175	+125	8.050	-	8.175	7.929
<b>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</b>																
5%	9.400	+200	9.250	+200	8.900	-	9.150	100	9.000	-	9.400	+200	8.850	-100	9.400	9.136
10%			9.150	+200					8.800	-					9.150	8.975
15%	9.200	+200	9.050	+200	8.700	-	8.950	100	8.600	-	9.200	+200	8.550	-100	9.200	8.893
20%									8.300	-					8.300	8.300
25%	9.000	+200	8.450	+200	8.500	-	8.750	100	8.000	-	9.000	+200	8.250	+100	9.000	8.564

\*\*\*